

Số: 25 /2020/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 08 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc thống nhất chủ trương ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Bạc Liêu;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 503/TTr-STC ngày 04 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Các nội dung khác không nêu trong Quyết định này, thì áp dụng đúng theo quy định hiện hành của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ, Ngành liên quan đang có hiệu lực tại thời điểm.



2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các Sở, Ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Giá Rai, thành phố Bạc Liêu, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam (*sau đây gọi là cơ quan, đơn vị*).

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, quản lý sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức (*đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá*) quy định tại Quyết định này đề xuất với cơ quan có thẩm quyền để trang bị xe ô tô chuyên dùng theo quy định.

2. Việc bố trí, trang bị, thay thế xe ô tô chuyên dùng không được vượt quá số xe quy định tại Quyết định này; nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô chuyên dùng vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào nếu không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này thì tiếp tục quản lý, sử dụng; số xe này được tính trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được ban hành. Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức được ban hành thì thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có sáp nhập, đổi tên thì tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của đơn vị mới sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, đảm bảo không vượt quá tổng số xe theo tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, đơn vị trước khi sáp nhập, đổi tên đã được quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này bao gồm:

a) Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (*xe chở tiền, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu, ...*).

b) Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (*xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe thanh tra giao thông, ...*).

c) Xe ô tô tải.

d) Xe ô tô bán tải.

đ) Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (*đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá*).

Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá được quy định theo Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị kèm theo Quyết định này (*số lượng, mức giá là mức tối đa*).

Trường hợp giá xe ô tô chuyên dùng có biến động tăng, việc điều chỉnh mức giá theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Thủ trưởng đơn vị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (*đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá*) tại đơn vị, trừ xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Khoản 7, Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Nguồn kinh phí mua sắm

Sử dụng nguồn Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác được phép sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 5. Trình tự tổ chức mua sắm

Hàng năm các Sở, Ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Giá Rai, thành phố Bạc Liêu có nhu cầu sử dụng xe ô tô chuyên dùng, căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức quy định kèm theo Quyết định này, tiến hành lập kế hoạch trang bị (*nêu rõ mục đích yêu cầu của việc mua sắm, số lượng, chủng loại, mức giá, nguồn kinh phí, ...*) gửi Sở Tài chính tổng hợp.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, nguồn tài chính khác, nhu cầu thực tế phục vụ công tác, giao Sở Tài chính thẩm định dự toán và đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Việc mua xe ô tô chuyên dùng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm tài sản công.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu, đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua mới, thu hồi, điều chuyển, thanh lý xe ô tô chuyên dùng theo thẩm quyền.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện việc trang bị, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này; có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính và văn bản quy định liên quan đang có hiệu lực tại thời điểm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc phải điều chỉnh phù hợp với thực tế phục vụ công tác; đề nghị các cơ quan, đơn vị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan phản ánh về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh phù hợp.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2020.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trang bị xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu; Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung định mức và điều chỉnh chủng loại xe tại Phụ lục ban hành kèm theo 1561/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung định mức xe chuyên dùng tại Phụ lục ban hành kèm theo 1561/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác tại Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Giá Rai, thành phố Bạc Liêu và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy - HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Thoa, HY (QĐUB23).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung

Phụ lục

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH BẠC LIÊU**

(Ban hành kèm Quyết định số: 25 /2020/QĐ-UBND ngày 08 /9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa |
|----------|--|---|---|-------------------|----------------|
| 1 | Sở Nông nghiệp và PTNT | | | | |
| | - Văn phòng Sở | Hoạt động thanh tra ngành nông nghiệp và PTNT | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | - Chi cục Thủy Lợi | Hoạt động kiểm tra đê, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | | Hoạt động kiểm tra sửa chữa lưu động các công trình cống | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | - Chi cục Kiểm lâm | Hoạt động thanh, kiểm tra, tuần tra rừng | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | - Trung tâm Giống nông nghiệp | Vận chuyển giống nông nghiệp các loại | - Xe ô tô tải 2 tấn | 1 | 350.000.000 |
| | | Vận chuyển giống nông nghiệp các loại | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| 2 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thanh tra, kiểm tra các dự án, công trình | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| 3 | Sở Xây dựng | | | | |
| | - Thanh tra Sở Xây dựng | Phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra công trình xây dựng | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| 4 | Sở Tư pháp | Phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông và trợ giúp pháp lý | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| 5 | Sở Giao thông vận tải | | | | |
| | - Thanh tra Sở Giao thông vận tải | Phục vụ kiểm tra trật tự an toàn giao thông (xe chở tang vật vi phạm) | - Xe ô tô tải 5 tấn -7 tấn mui bạt có bửng nâng | 1 | 750.000.000 |
| | | Phục vụ kiểm tra trật tự an toàn giao thông | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | - Đoàn Quản lý đường bộ và đường sông Bạc Liêu | Phục công tác đảm bảo an toàn giao thông và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ | - Xe ô tô tải 5 tấn | 1 | 450.000.000 |
| | | Phục công tác đảm bảo an toàn giao thông và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ | - Bán ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa |
|----------|---|---|--|-------------------|----------------|
| 6 | Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ | | | | |
| | - Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Phục vụ thanh tra, kiểm tra hiện trường, kiểm tra đặc thù và vận chuyển trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng về tiêu chuẩn đo lường sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Phục vụ vận chuyển trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để kiểm định, thử nghiệm, hiệu chuẩn phương tiện, chuẩn đo lường và chất lượng hàng hóa chuyên ngành | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| 7 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | | | | |
| | - Trung tâm Bảo trợ Xã hội | Chuyên đưa rước đối tượng bảo trợ xã hội đi bệnh viện | - Xe ô tô chuyên dùng gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (có băng ca, bình oxy) | 1 | 890.000.000 |
| | | Mua đồ dùng, thức ăn phục vụ đối tượng hàng ngày; đi nhận thức ăn từ các nhà hảo tâm, mạnh thường quân hỗ trợ cho đối tượng. | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | - Cơ sở Cai nghiện ma túy | Chuyên chở học viên chuyển viện, chuyển học viên về địa phương bàn giao, hòa nhập cộng đồng | - Xe ô tô chuyên dùng gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật | 1 | 890.000.000 |
| | | Chuyên chở nhu yếu phẩm cho học viên | - Xe ô tô tải 1 - 2 tấn | 1 | 350.000.000 |
| 8 | Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | | | | |
| | - TT Huấn luyện thi đấu và TDTT | Chở vận động viên, huấn luyện viên đi tập huấn và thi đấu các giải thể trong khu vực | - Xe ô tô 25 - 29 chỗ ngồi | 2 | 1.600.000.000 |
| | - Thư viện tỉnh | Văn hóa thông tin lưu động | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | - Nhà hát Cao Văn Lầu | | | | |
| | + Đoàn Nghệ thuật TH Khmer | Chở diễn viên đi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ | - Xe ô tô 35 chỗ ngồi | 1 | 1.900.000.000 |
| | | Chở trang thiết bị đi biểu diễn | - Xe ô tô tải 5 tấn | 1 | 450.000.000 |
| | + Đoàn cải lương Cao Văn Lầu | Cổ động thông tin tuyên truyền | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | | Chở diễn viên đi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ | - Xe ô tô 47 chỗ ngồi | 1 | 2.500.000.000 |
| | | Chở trang thiết bị đi biểu diễn | - Xe ô tô tải 5 tấn | 1 | 450.000.000 |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa |
|-----------|---|--|---|-------------------|----------------|
| | - Trung tâm Văn hóa tỉnh | Chở diễn viên đi biểu diễn | - Xe ô tô 25 - 29 chỗ ngồi | 1 | 1.600.000.000 |
| | | Chở âm thanh, thiết bị phục vụ tuyên truyền lưu động | - Bán ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | | Chở âm thanh, thiết bị phục vụ tuyên truyền lưu động | - Xe ô tô tải 5 tấn | 1 | 450.000.000 |
| 9 | Trường Chính trị Châu Văn Đăng | | | | |
| | | Đưa đoàn giảng viên và học viên đi nghiên cứu thực tế | - Xe ô tô 47 chỗ ngồi | 1 | 2.500.000.000 |
| | | Phục vụ đưa đón giảng viên từ TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, các tỉnh về Bạc Liêu giảng dạy và ngược lại | - Xe ô tô chuyên dùng gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật | 1 | 850.000.000 |
| 10 | Trường Đại học Bạc Liêu | | | | |
| | | Đưa giảng viên và sinh viên đi nghiên cứu thực tế | - Xe ô tô 47 chỗ ngồi | 1 | 2.500.000.000 |
| | | Phục vụ đưa đón giảng viên từ TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, các tỉnh về Bạc Liêu giảng dạy và ngược lại. | - Xe ô tô chuyên dùng gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật | 1 | 850.000.000 |
| 11 | Trường Cao đẳng Y tế | | | | |
| | | Phục vụ đưa đón giảng viên từ TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, các tỉnh về Bạc Liêu giảng dạy và ngược lại | - Xe ô tô chuyên dùng gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật | 1 | 850.000.000 |
| 12 | Trường Cao đẳng Nghề | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tập lái 4-8 chỗ (hạng B2) | 46 | 750.000.000 |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tập lái 1 - 3 tấn (hạng B2) | 6 | 360.000.000 |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tập lái 5 - 7 tấn (hạng C) | 19 | 850.000.000 |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tập lái 16 chỗ (hạng D) | 2 | 1.200.000.000 |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tập lái 29 chỗ (hạng D) | 2 | 1.600.000.000 |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tập lái từ 30 -50 chỗ (hạng E) | 2 | 2.500.000.000 |
| 13 | Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật | | | | |
| | | Xe đưa đoàn giảng viên và học viên đi nghiên cứu thực tế | - Xe ô tô 29 chỗ ngồi | 1 | 1.600.000.000 |
| | | Xe phục vụ đưa đón giảng viên từ TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, các tỉnh về Bạc Liêu giảng dạy và ngược lại | - Xe ô tô chuyên dùng gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật | 1 | 850.000.000 |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa |
|----|-----------------------------------|--|---|-------------------|----------------|
| 14 | Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh | Vận chuyển rác thải rắn | - Xe ô tô tải ben 5100 kg | 2 | 1.300.000.000 |
| | | Vận chuyển rác thải rắn | - Xe ô tô tải ben 3400 kg | 1 | 900.000.000 |
| | | Tưới cây công viên | - Xe ô tô tải 1- 5 tấn có bồn tưới cây | 1 | 700.000.000 |
| | | Sửa chữa, duy tu hệ thống điện chiếu sáng công cộng, cắt tỉa cây xanh | - Xe cầu thang thủy lực 4200 kg | 1 | 1.700.000.000 |
| | | | - Xe cầu thang thủy lực 7000 kg | 2 | 2.500.000.000 |
| | | Thu gom, vận chuyển rác | - Xe ép rác 6m ³ - 9m ³ | 12 | 1.850.000.000 |
| | | Vệ sinh, thông cống thoát nước | - Xe bồn hút bùn 5200 kg | 2 | 3.500.000.000 |
| | | Vệ sinh, thông cống thoát nước | - Xe bồn hút bùn 4750 kg | 2 | 2.500.000.000 |
| | | Xử lý rác tại bãi rác tập trung | - Xe ủi (đã qua sử dụng) | 3 | 1.400.000.000 |
| | | Xử lý rác tại bãi rác tập trung | - Xe đào bánh xích | 1 | 1.500.000.000 |
| | | Vệ sinh đường giao thông nội ô TPBL | - Xe ô tô quét đường | 1 | 3.000.000.000 |
| | | Vệ sinh, rửa đường giao thông nội ô TPBL | - Xe ô tô phun nước rửa đường 5000 kg | 3 | 1.600.000.000 |
| | | Vệ sinh, rửa đường giao thông nội ô TPBL | - Xe ô tô phun nước rửa đường 8000 kg | 1 | 2.150.000.000 |
| | | Xử lý rác tại bãi rác tập trung | - Xe cần trục bánh xích cần DH | 1 | 2.100.000.000 |
| 15 | Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh | | | | |
| | | Truyền hình trực tiếp chương trình | - Xe ô tô truyền hình lưu động | 1 | 50.000.000.000 |
| | | Phục vụ phóng viên theo yêu cầu tác nghiệp tại các địa bàn | - Xe ô tô chuyên dùng gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật | 1 | 1.400.000.000 |
| | | Phục vụ sản xuất chương trình tiếng Khmer theo yêu cầu tác nghiệp tại các địa bàn | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | | Chuyên chở diễn viên, đạo cụ, thiết bị phục vụ sản xuất các chương trình thời sự, giải trí ngoài phòng thu | - Xe ô tô phục vụ sản xuất chương trình ngoài phòng thu (xe ô tô 29 chỗ) | 1 | 1.400.000.000 |
| 16 | Ban An toàn giao thông tỉnh | Phục vụ công tác an toàn giao thông | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa |
|----|---|---|---|-------------------|----------------|
| 17 | UBND thành phố Bạc Liêu | | | | |
| | - Đài Truyền thanh | Phát thanh, truyền hình lưu động | - Xe ô tô phát thanh truyền hình | 1 | 650.000.000 |
| | | Phát thanh lưu động | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - UBND Phường 1 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - UBND Phường 2 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - UBND Phường 3 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - UBND Phường 5 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - UBND Phường 7 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - UBND Phường 8 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - UBND Phường Nhà Mát | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - Phòng Quản lý đô thị | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | - Xã đạt chuẩn nông thôn mới | Xe chở rác | - Xe ô tô tải 1 - 5 tấn | 1 | 450.000.000 |
| 18 | UBND huyện: Hoà Bình, Vĩnh Lợi, Đông Hải, Hồng Dân, Phước Long và thị xã Giá Rai | | | | |
| | - Trung tâm Dịch vụ đô thị | Tưới cây xanh | - Xe ô tô tải 5 -7 tấn (chở bồn phun nước) | 1 | 1.000.000.000 |
| | | Vệ sinh, rửa đường giao thông nội ô | - Xe ô tô phun nước rửa đường 9m ³ | 1 | 1.600.000.000 |
| | | Thu gom, vận chuyển rác, chất thải rắn | - Xe ô tô tải 1 - 7 tấn (chở chất thải rắn) | 2 | 450.000.000 |
| | | Thu gom, vận chuyển rác | - Xe ép rác 5m ³ - 9m ³ | 2 | 1.850.000.000 |
| | | Xử lý rác tại bãi rác tập trung | - Xe ủi rác (đã qua sử dụng) | 1 | 1.400.000.000 |
| | | Xử lý rác tại bãi rác tập trung | - Xe đào bánh xích | 1 | 1.500.000.000 |
| | | Vệ sinh, thông cống thoát nước | - Xe hút chất thải thùng chứa 3,5 m ³ | 2 | 900.000.000 |
| | | Sửa chữa, duy tu hệ thống điện chiếu sáng công cộng, cắt tỉa cây xanh | - Xe nâng 3-6 tấn (sửa chữa, duy tu hệ thống điện chiếu sáng công cộng, cắt tỉa cây xanh) | 1 | 1.750.000.000 |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa |
|--|---|--|---|----------------------|----------------|
| | - Trung tâm Văn hóa | Văn hóa thông tin lưu động | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | | Chờ thiết bị âm thanh, ánh sáng, sân khấu | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 |
| | | | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 |
| | | Làm sân khấu lưu động phục vụ biểu diễn văn nghệ, văn hóa | - Xe ô tô tải 1- 5 tấn | 1 | 450.000.000 |
| - Ban An toàn giao thông | Phục vụ kiểm tra trật tự an toàn giao thông | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| | Chờ tang vật vi phạm hành chính | - Xe ô tô tải 0,5 tấn - 5 tấn | 1 | 450.000.000 | |
| - Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên | Chờ dụng cụ dạy nghề cho lao động nông thôn | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| - Phòng Kinh tế hạ tầng | Kiểm tra sắp xếp trật tự đô thị | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| - Đài Truyền thanh | Phát thanh lưu động | - Xe tải ô tô 1 tấn | 1 | 220.000.000 | |
| - Xã, phường đạt chuẩn nông thôn mới | Chờ rác | - Xe ô tô tải 1 - 5 tấn | 1 | 450.000.000 | |
| 19 | Văn phòng Tỉnh uỷ | | | | |
| | | Phục vụ cán bộ lão thành đi điều dưỡng, khám sức khỏe định kỳ | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 1 | 1.200.000.000 |
| 20 | Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh | Phục vụ các Đoàn giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân tỉnh | - Xe ô tô 16 chỗ ngồi gắn biển hiệu nhận biết theo quy định | 1 | 1.200.000.000 |
| | Tổng cộng | | | 186 | |

Ghi chú: Mức giá xe ô tô nêu trên là giá mua tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe và các khoản chi phí đầu tư liên quan